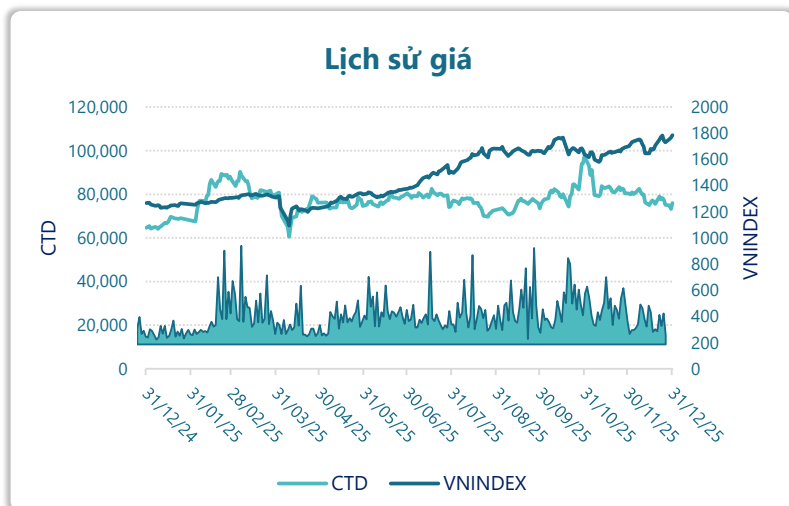


CTCP Xây dựng COTECCONS (HSX: CTD)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	76,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	97,419
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	60,522
SL cổ phiếu LH	106,500,404
KLGD BQ 20 phiên (CP)	532,450
% sở hữu nước ngoài	49.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,094
P/E	10.4
EPS	7,336

DT thuần
Q4/25

10,007

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2,555 | 34.3%

YoY: ▲ 3,121 | 45.3%

LN sau thuế
Q4/25

228

tỷ VNĐ

QoQ: ▼67.0 | -22.8%

YoY: ▲ 123 | 117%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

3.7%

+/- YoY: ▲ 1.2%

DT thuần
2025

30,699

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7,793 | 34.0%

LN sau thuế
2025

781

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 408 | 109%

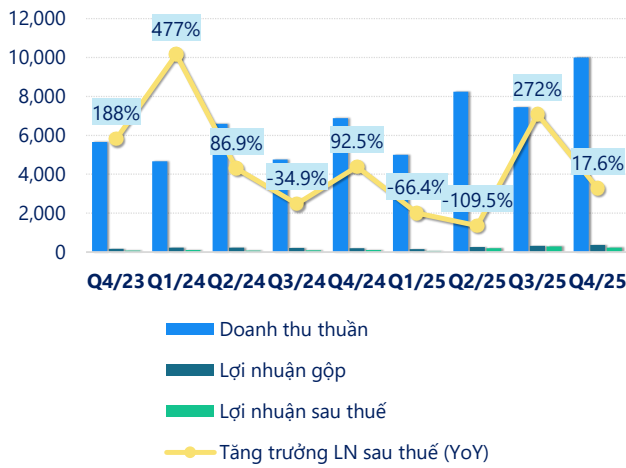
ROE
2025

8.6%

+/- YoY: ▲ 4.3%

tỷ VNĐ

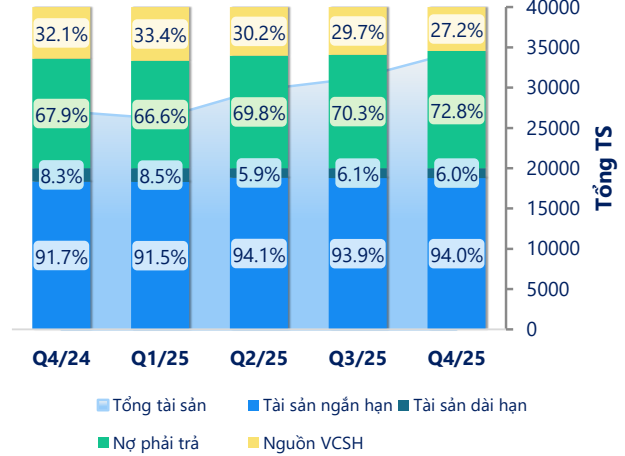
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

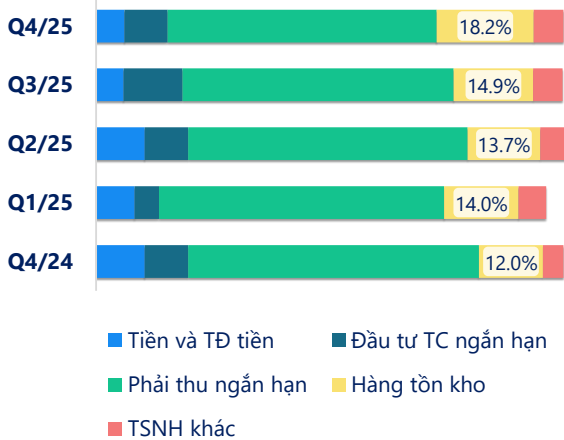
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



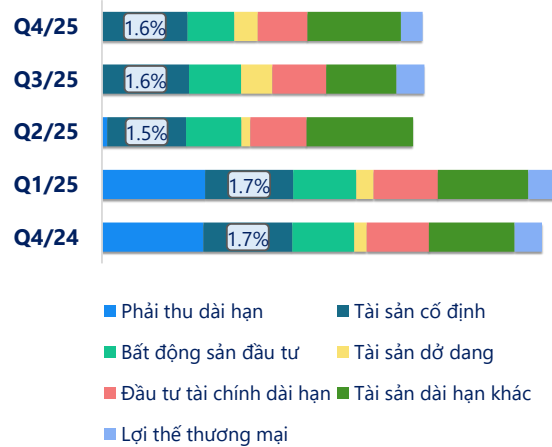
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

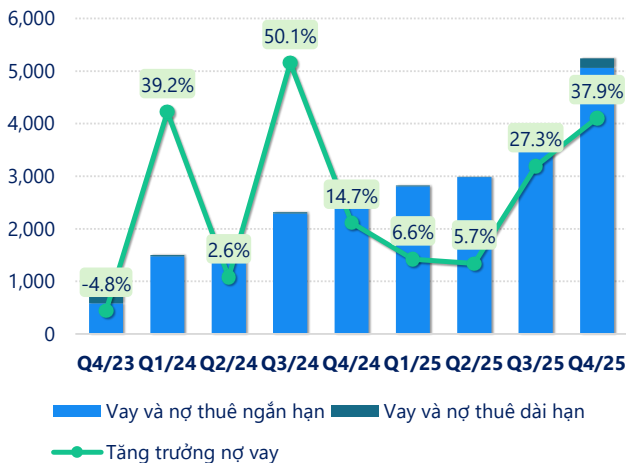
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

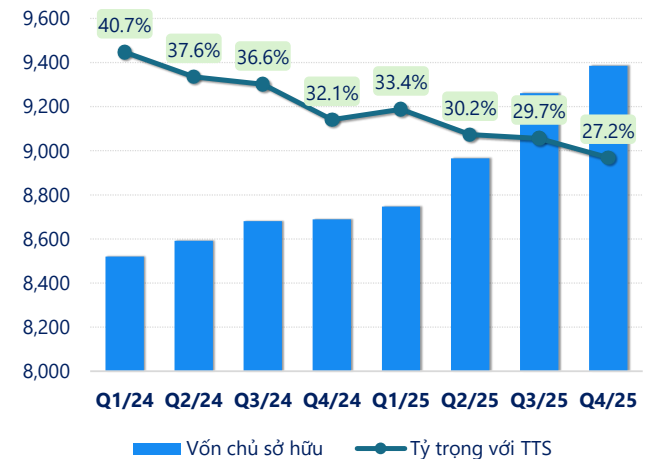
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

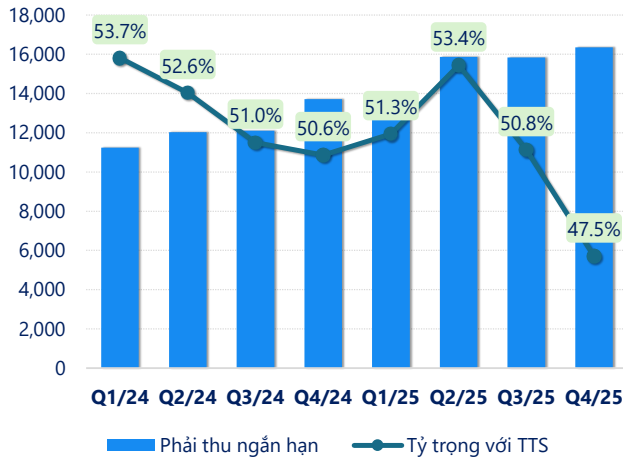
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



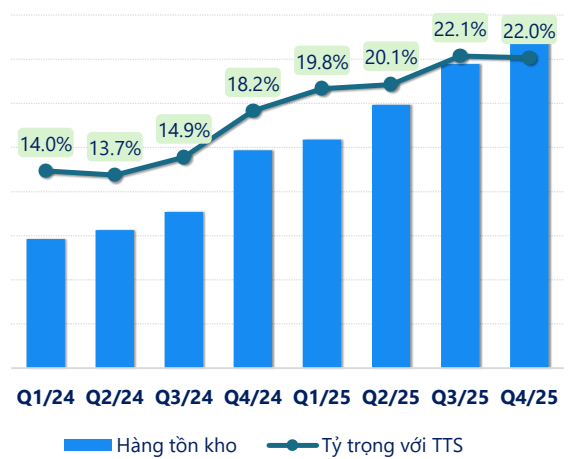
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


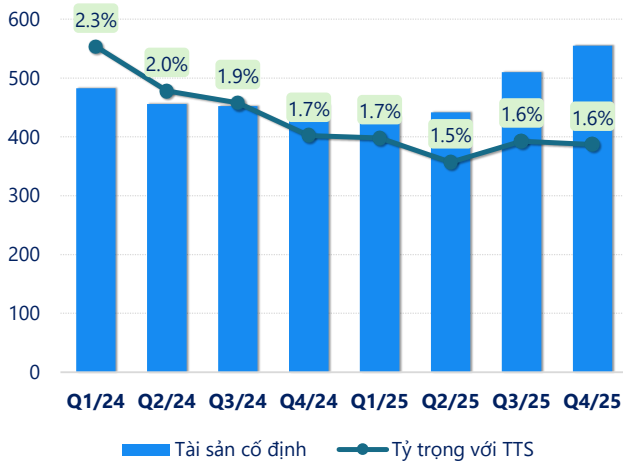
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


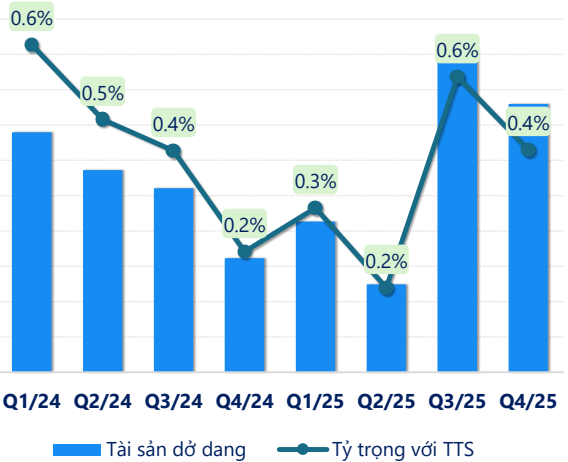
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

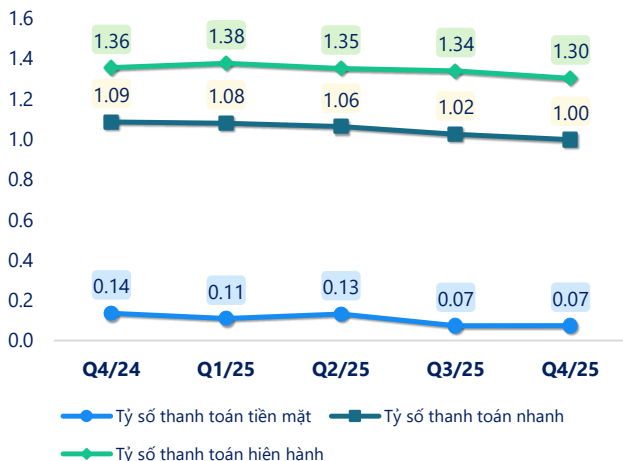
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

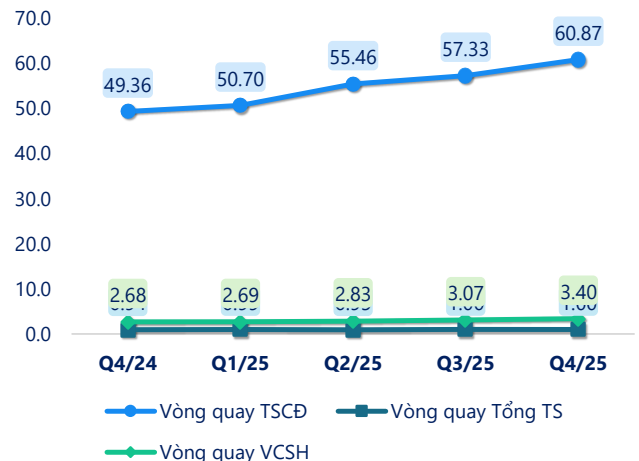
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	27,077	26,183	29,701	31,178	34,442
Tài sản ngắn hạn	24,837	23,948	27,963	29,287	32,365
Tiền và tương đương tiền	2,479	1,897	2,712	1,608	1,847
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,189	1,751	1,589	2,886	4,437
Phải thu ngắn hạn	13,712	13,430	15,870	15,837	16,354
Hàng tồn kho	4,935	5,179	5,964	6,890	7,569
Tài sản ngắn hạn khác	1,523	1,690	1,827	2,066	2,157
Tài sản dài hạn	2,240	2,235	1,738	1,891	2,077
Phải thu dài hạn	516	508	28.6	0.47	0
Tài sản cố định	454	434	442	510	555
Bất động sản đầu tư	315	310	308	306	303
Tài sản dở dang	64.7	85.3	49.7	183	152
Đầu tư tài chính dài hạn	316	316	315	316	322
Tài sản dài hạn khác	436	446	595	412	604
Lợi thế thương mại	139	135	0	163	142
Nợ phải trả	18,388	17,436	20,736	21,917	25,057
Nợ ngắn hạn	18,328	17,388	20,684	21,865	24,848
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,634	2,809	2,984	3,801	5,062
Phải trả người bán ngắn hạn	7,135	6,005	7,534	7,657	8,057
Nợ dài hạn	60.0	48.5	52.6	52.0	209
Vay và nợ thuê dài hạn	18.6	17.4	2.83	0	180
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,689	8,746	8,965	9,261	9,385
Vốn chủ sở hữu	8,689	8,746	8,965	9,261	9,385
Vốn điều lệ	1,036	1,036	1,036	1,036	1,036
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)